

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Số: 2383 /NHNo - KDVT

V/v: Công bố thông tin về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2025

**Kính gửi: - Sở giao dịch Chứng khoán
- Nhà đầu tư sở hữu trái phiếu**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về việc sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ tại báo cáo (kèm theo Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu).

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên. / *th*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Ban Kiểm soát (để b/c);
- Lưu: VP, KDVT.

(13 MĐ) *AN*

**TU. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC** *Sim*



ĐOÀN NGỌC LƯU

* Tài liệu kèm theo: Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ. Báo cáo tình hình sử dụng vốn phải được kiểm toán theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP; doanh nghiệp gửi kèm theo ý kiến kiểm toán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

- Tên viết tắt: Agribank

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 24/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/05/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.3772 2773

Fax: 024.3831 4069

Địa chỉ thư điện tử: headoffice@agribank.com.vn

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn/Tổ chức tín dụng

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Huy động vốn; Cho vay, bảo lãnh; Thanh toán trong nước; Thanh toán quốc tế; Dịch vụ thẻ; Treasury

- Mã số thuế: 0100686174

2. Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu

Căn cứ theo các phương án phát hành trái phiếu đã được Hội đồng Thành viên Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phê duyệt, thông tin các đợt phát hành riêng lẻ trái phiếu Agribank hiện còn dư nợ tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

STT	Mã trái phiếu (Mã đăng ký tại VSDC)	Khối lượng phát hành thực tế theo mệnh giá (đồng)	Nghị quyết phê duyệt phương án	Mục đích sử dụng vốn
1	AGRIBANK BOND-15	8.000.000.000.000 ¹	Nghị quyết 213/NQ-HĐTV ngày 29/10/2015	Tăng trưởng thêm nguồn vốn trung dài hạn đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế, đặc biệt cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và doanh nghiệp nhỏ và vừa, các dự án đầu tư trung dài hạn của Tổ Chức Phát Hành.
2	AGRIBANK2027012	2.000.000.000.000	Nghị quyết 30A/NQ- HĐTV ngày 12/3/2020;	Tăng vốn cấp 2 để đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động của Agribank theo quy định của NHNN, tăng khả năng thanh khoản toàn hệ thống; Tăng trưởng thêm nguồn vốn
3	AGRIBANK2027022	387.000.000.000		
4	AGRIBANK2027021	76.500.000.000		

¹ Tính đến thời điểm 31/12/2024, mã trái phiếu AGRIBANK BOND-15 còn dư nợ 4.350 tỷ đồng do Agribank đã mua lại khối lượng 3.650 tỷ đồng vào ngày 20/04/2021. Do đó, dư nợ trái phiếu riêng lẻ do Agribank phát hành đến ngày 31/12/2024 là 14.442,2 tỷ đồng.

STT	Mã trái phiếu (Mã đăng ký tại VSDC)	Khối lượng phát hành thực tế theo mệnh giá (đồng)	Nghị quyết phê duyệt phương án	Mục đích sử dụng vốn
5	AGRIBANK2027042	630.000.000.000	Nghị quyết 20/NQ-HĐTV ngày 03/2/2021	dài hạn đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế nói chung theo kế hoạch kinh doanh được duyệt, đặc biệt là cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, các dự án đầu tư trung dài hạn đã được Agribank cam kết cho vay.
6	AGRIBANK2027041	117.000.000.000		
7	VBAC LH2128001 (VBA12101)	300.000.000.000		
8	VBAC LH2128002 (VBA12102)	1.489.000.000.000		
9	VBAC LH2131003 (VBA12127)	1.200.000.000.000	Nghị quyết số 45/NQ-HĐTV ngày 23/3/2021	Tăng vốn cấp 2 để đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động của Agribank theo quy định của NHNN; Tăng trưởng thêm nguồn vốn dài hạn đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế nói chung theo kế hoạch kinh doanh được duyệt, đặc biệt là cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, các dự án đầu tư trung dài hạn đã được Agribank cam kết cho vay.
10	VBAC LH2128005 (VBA12103)	1.000.000.000.000		
11	VBAC LH2128006 (VBA12104)	1.057.700.000.000		
12	VBAC LH2128007 (VBA12105)	600.000.000.000		
13	VBAC LH2232005 (VBA12207)	200.000.000.000	Nghị quyết số 57/NQ-HĐTV ngày 14/4/2022	Tăng vốn cấp 2 để đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động của Agribank theo quy định của NHNN; Tăng trưởng thêm nguồn vốn dài hạn đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế nói chung theo kế hoạch kinh doanh được duyệt.
14	VBAC LH2232009 (VBA12208)	600.000.000.000		
15	VBAC LH2232013 (VBA12209)	435.000.000.000		
Tổng cộng		18.092.200.000.000		

3. Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu và tiến độ giải ngân số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn dư nợ:

Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo năm (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2023 (ngày liền kề trước kỳ báo cáo)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2024 (ngày kết thúc kỳ báo cáo)
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
I.	Tăng vốn cấp 2		18.092.200.000.000	0	18.092.200.000.000
1	Hoạt động cho vay		18.092.200.000.000	0	18.092.200.000.000
		AGRIBANK BOND- 15	8.000.000.000.000	0	8.000.000.000.000
		AGRIBANK2027012	2.000.000.000.000	0	2.000.000.000.000
		AGRIBANK2027022	387.000.000.000	0	387.000.000.000
		AGRIBANK2027021	76.500.000.000	0	76.500.000.000
		AGRIBANK2027042	630.000.000.000	0	630.000.000.000

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2023 (ngày liền kề trước kỳ báo cáo)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2024 (ngày kết thúc kỳ báo cáo)
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
		AGRIBANK2027041	117.000.000.000	0	117.000.000.000
		VBACLH2128001 (VBA12101)	300.000.000.000	0	300.000.000.000
		VBACLH2128002 (VBA12102)	1.489.000.000.000	0	1.489.000.000.000
		VBACLH2131003 (VBA12127)	1.200.000.000.000	0	1.200.000.000.000
		VBACLH2128005 (VBA12103)	1.000.000.000.000	0	1.000.000.000.000
		VBACLH2128006 (VBA12104)	1.057.700.000.000	0	1.057.700.000.000
		VBACLH2128007 (VBA12105)	600.000.000.000	0	600.000.000.000
		VBACLH2232005 (VBA12207)	200.000.000.000	0	200.000.000.000
		VBACLH2232009 (VBA12208)	600.000.000.000	0	600.000.000.000
		VBACLH2232013 (VBA12209)	435.000.000.000	0	435.000.000.000
2	Hoạt động đầu tư		0	0	0
3	Hoạt động kinh doanh khác theo pháp luật các tổ chức tín dụng		0	0	0
II	Mục đích khác theo pháp luật các tổ chức tín dụng		0	0	0
Tổng (I+II)			18.092.200.000.000	0	18.092.200.000.000

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của báo cáo nêu trên./.

Cán bộ lập biểu: Đào Việt Anh

Lãnh đạo phòng kiểm soát: Lê Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐTV (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Ban Kiểm soát (để b/c);
- Lưu: VP, KDVTT.

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐOÀN NGỌC LƯU